

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP

Ngày 31/03/2024	80,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.1%	5.1%	-

DT thuần Q1/24
23,315
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 744 3.3%
YoY: ▲ 2,101 9.9%

LN thuần Q1/24
3,169
tỷ VNĐ
QoQ: ▼199 -5.9%
YoY: ▼1,071 -25.2%

LN sau thuế Q1/24
2,544
tỷ VNĐ
QoQ: ▼232 -8.4%
YoY: ▼873 -25.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
14.1%
YoY: +/-▼ 1.3%

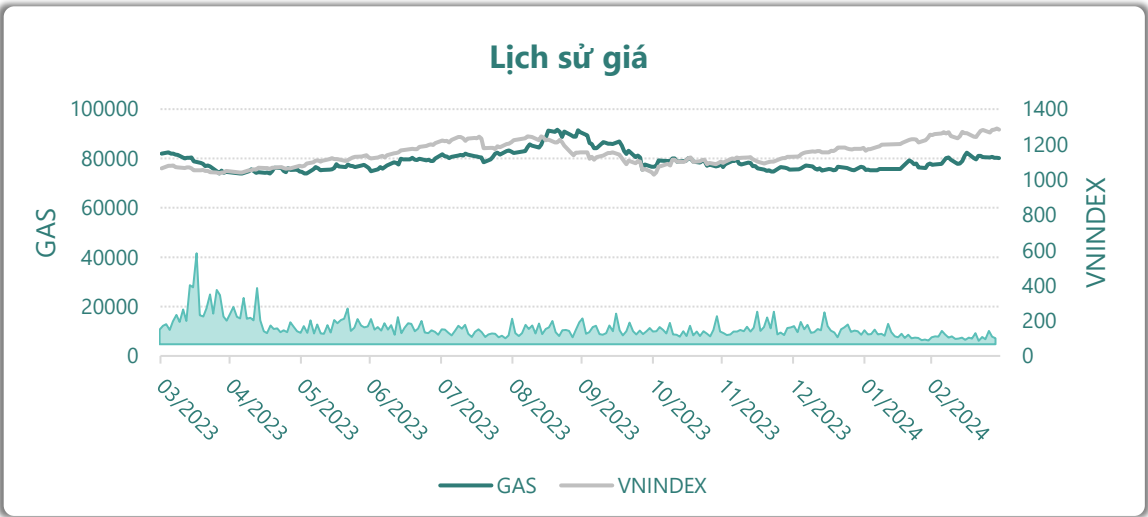
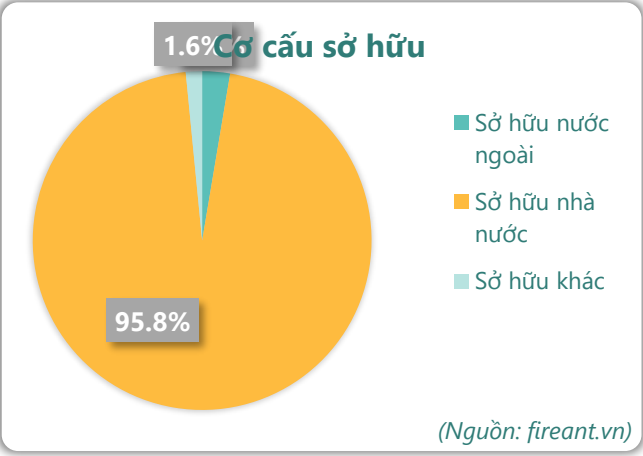
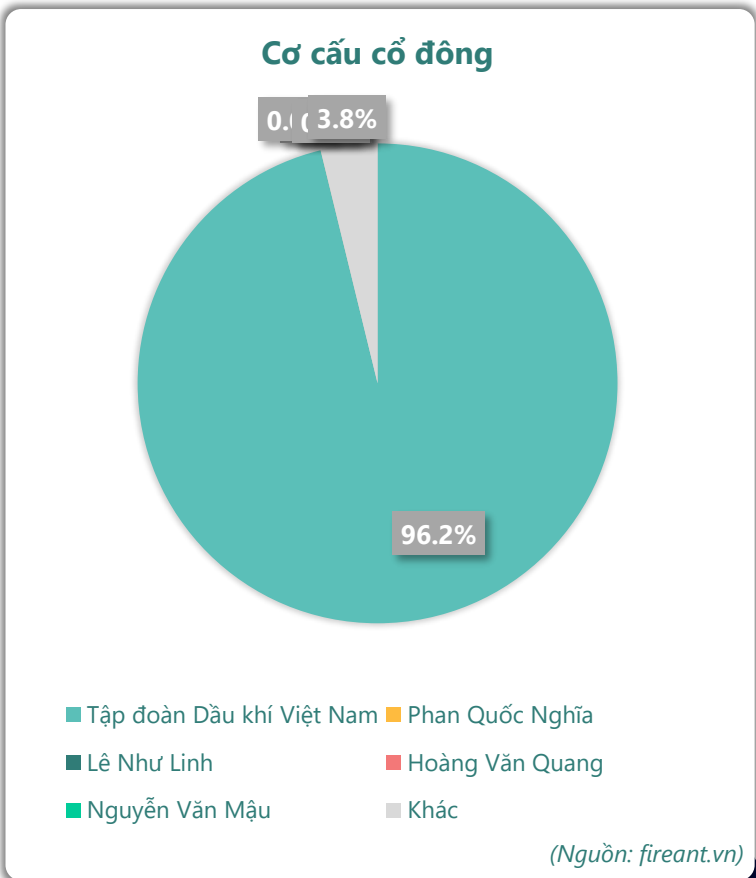
ROE (TTM) Q1/24
16.3%
YoY: +/-▼ 2.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	73,912 - 91,667
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	184,199
Số lượng CPLH (CP)	2,296,739,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,499,785
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	0.94
EPS	4,688
P/E	17.1

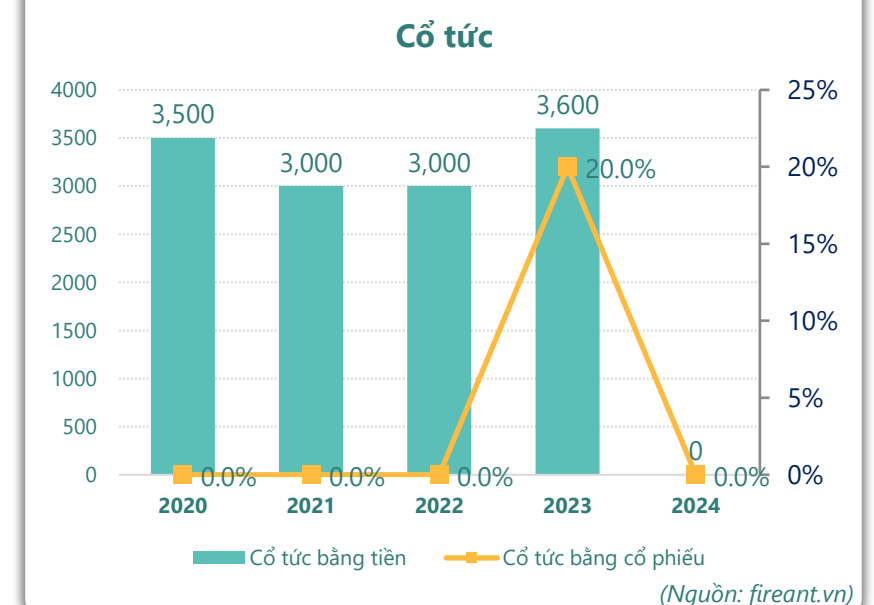
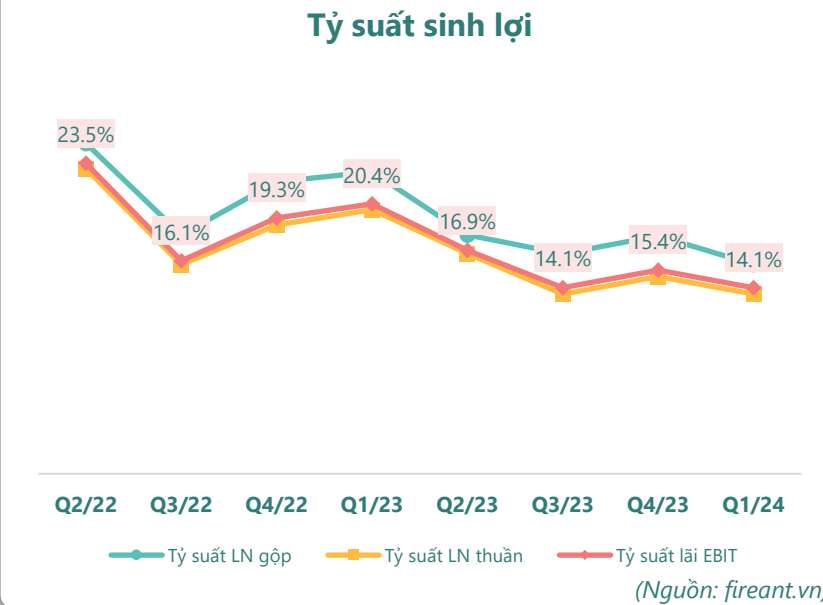
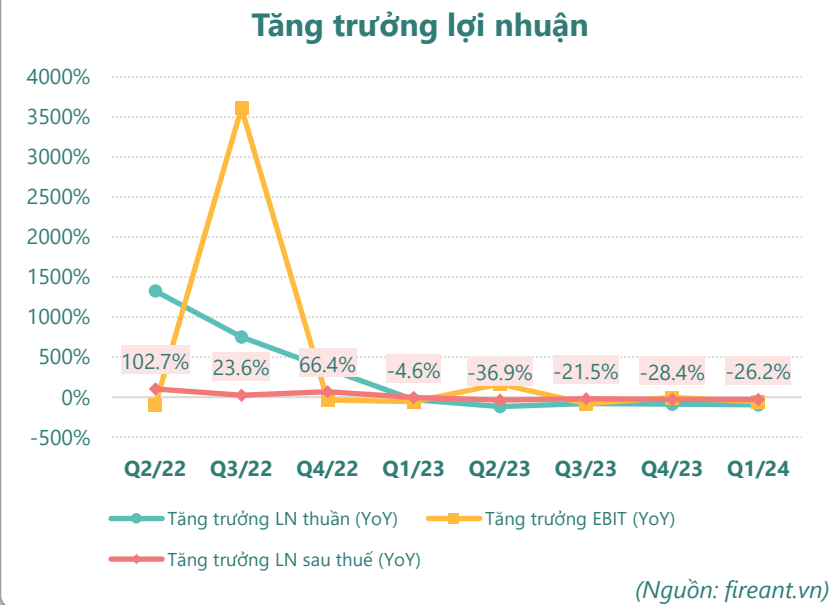
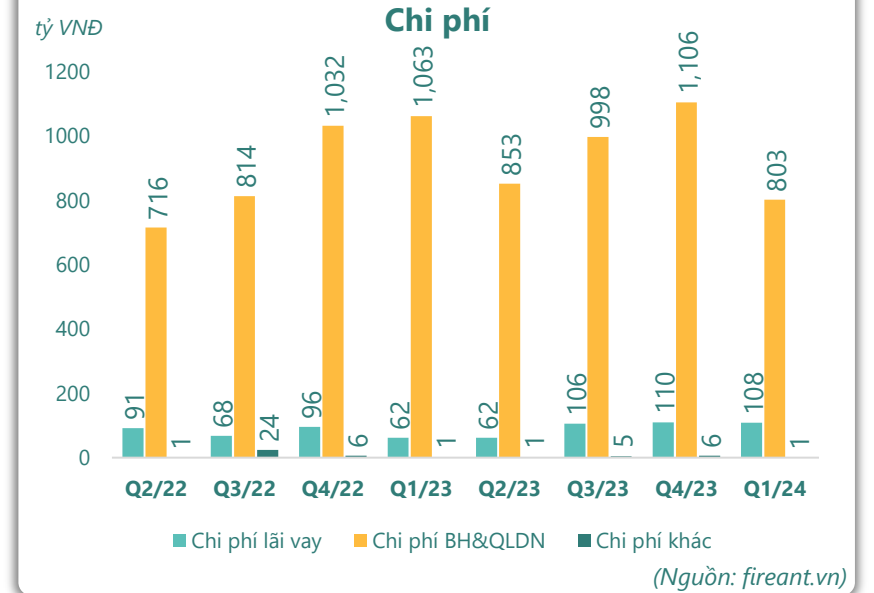
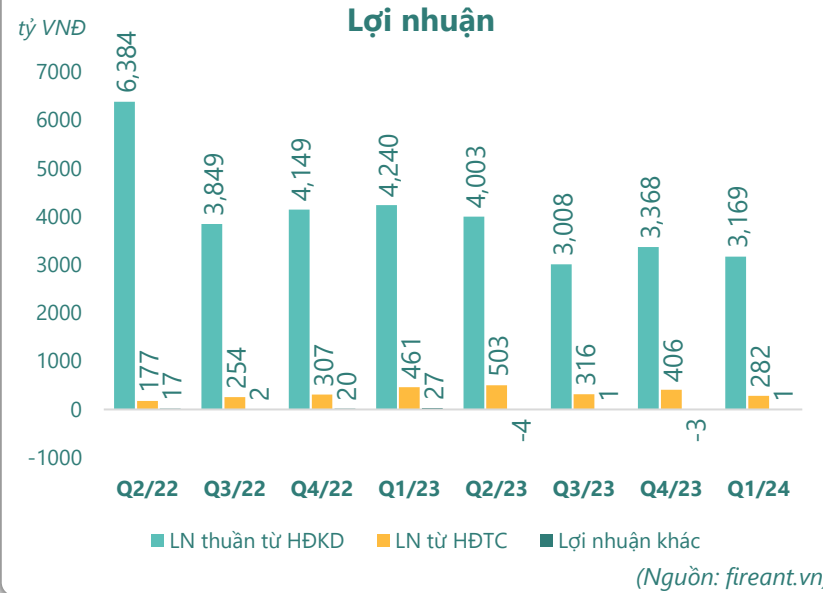
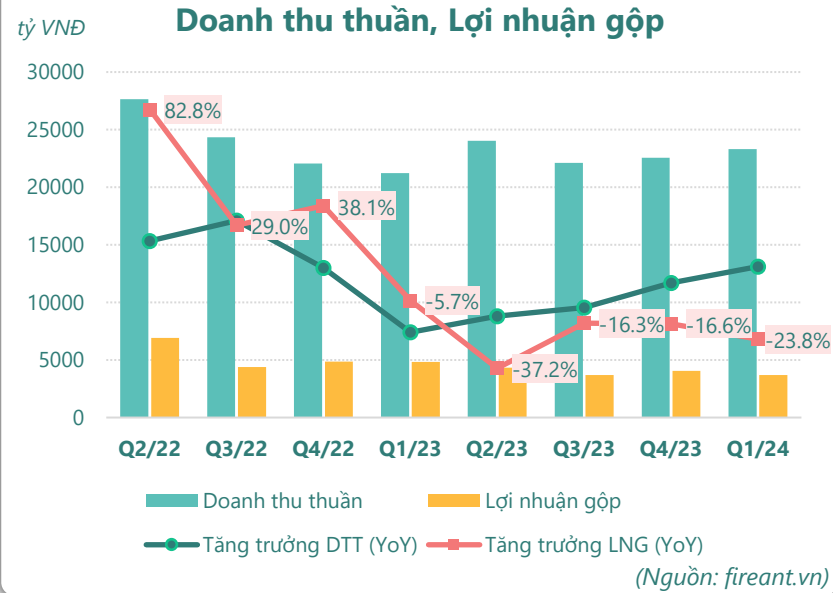
DT thuần 2023
89,954
tỷ VNĐ
YoY: ▼10,770 -10.7%

LN thuần 2023
14,619
tỷ VNĐ
YoY: ▼4,109 -21.9%

LN sau thuế 2023
11,793
tỷ VNĐ
YoY: ▼3,273 -21.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

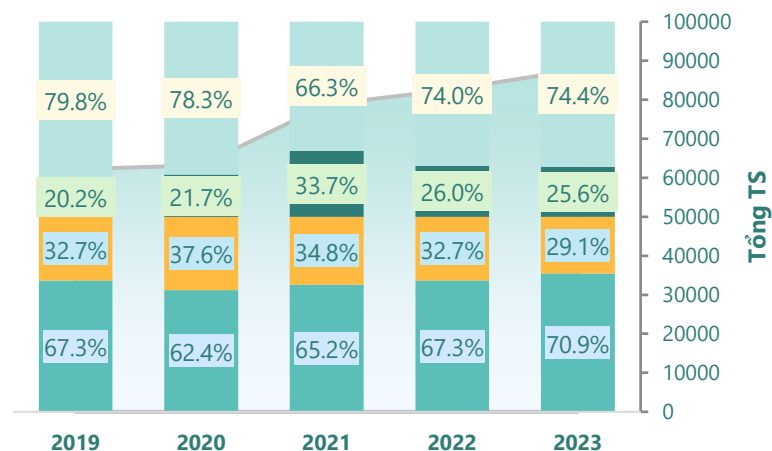




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

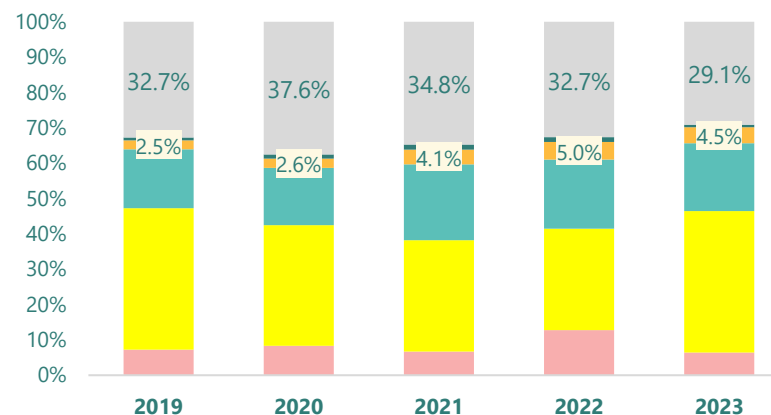
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

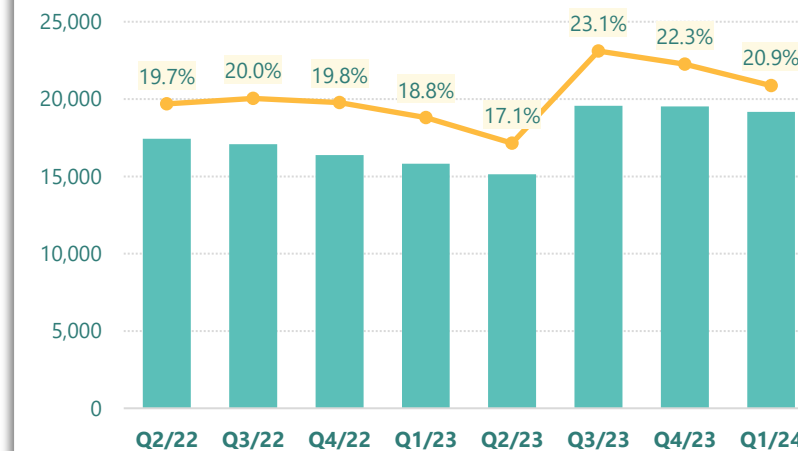


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

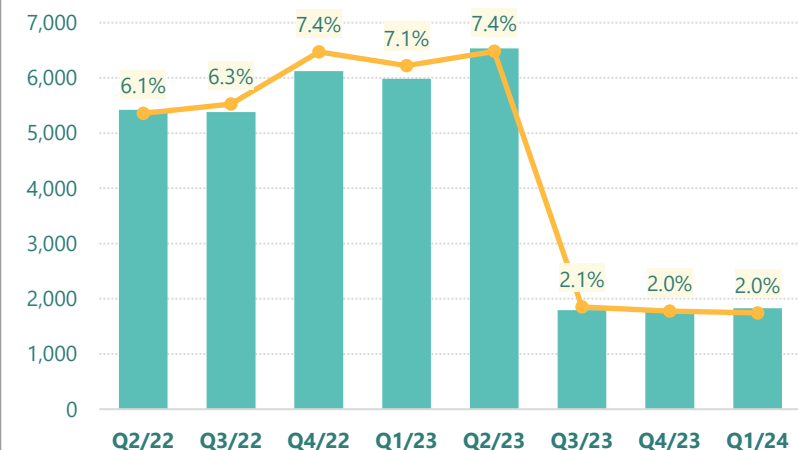


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

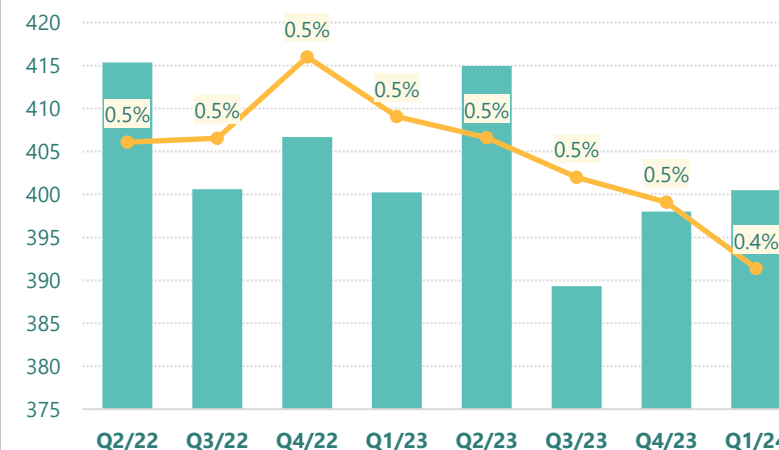


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

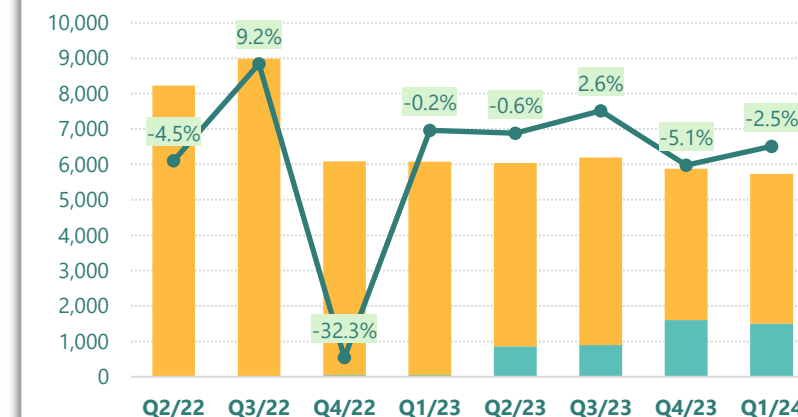


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

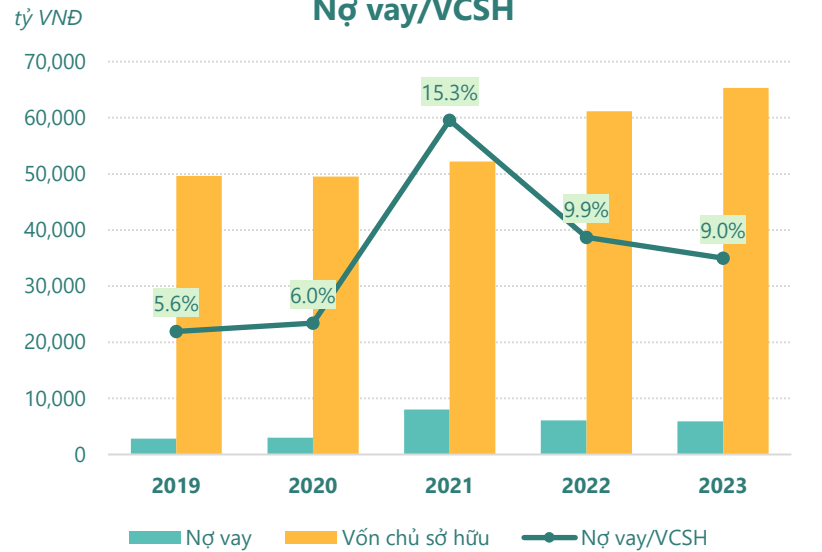
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

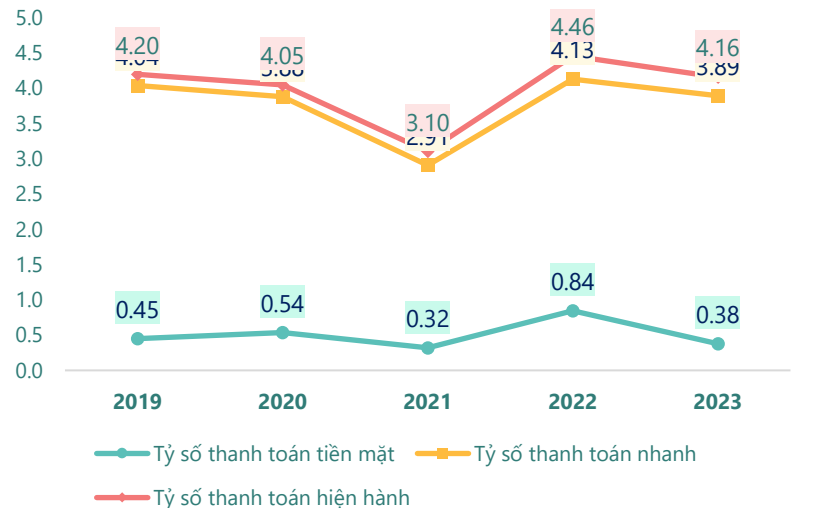


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

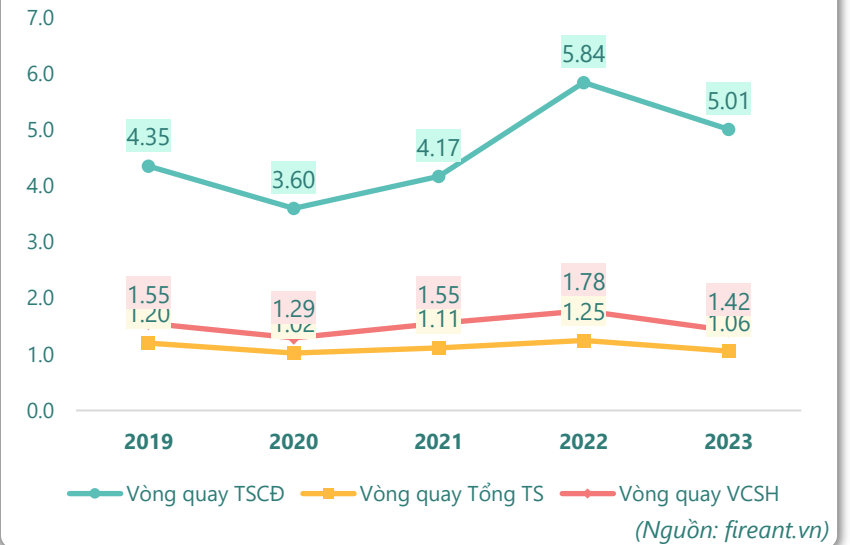
Nợ vay/VCSH



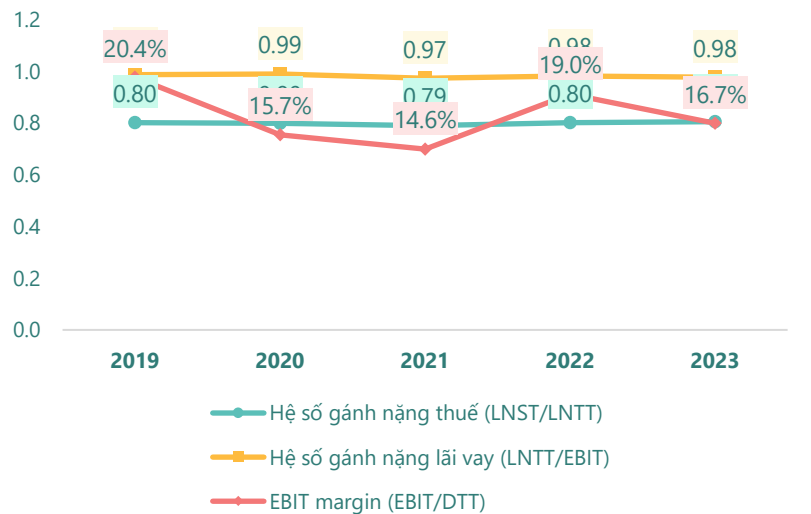
Chỉ số thanh khoản



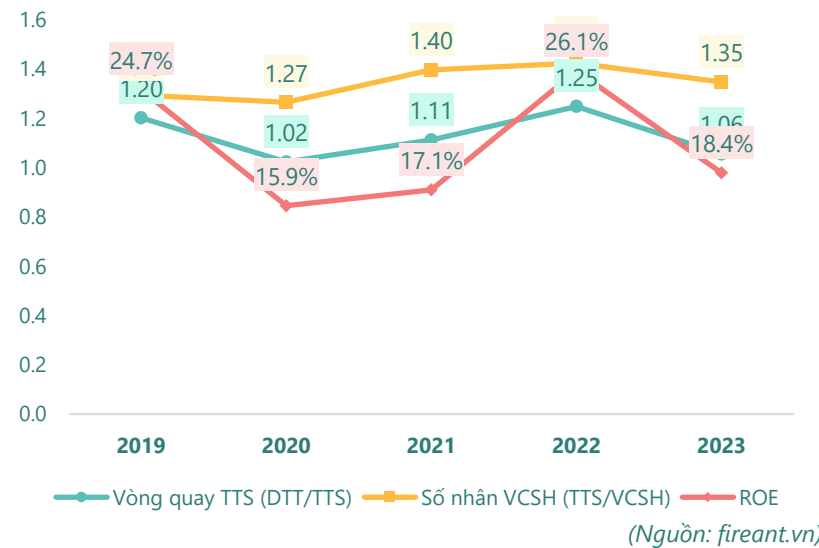
Vòng quay tài sản



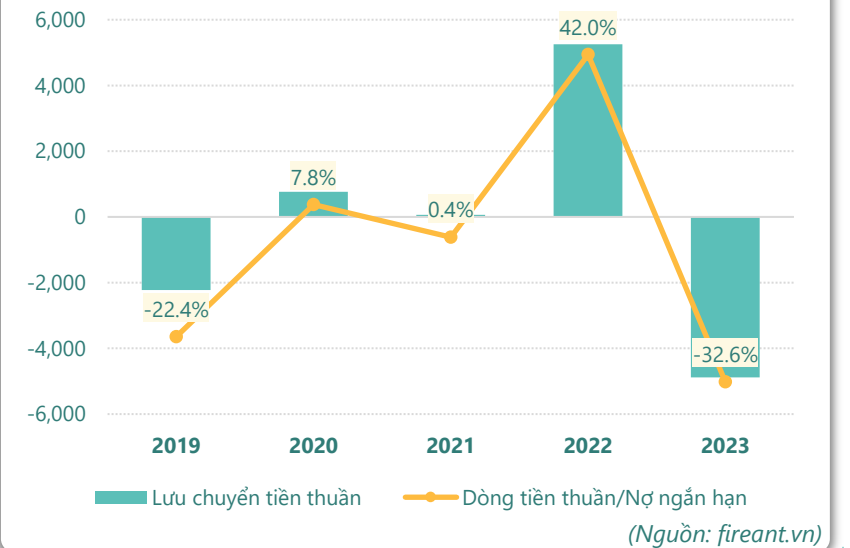
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	23,315	21,214	9.9%	89,954	100,724	-10.7%
Giá vốn hàng bán	19,624	16,372	19.9%	73,029	79,409	-8.0%
Lợi nhuận gộp	3,691	4,842	-23.8%	16,925	21,315	-20.6%
Doanh thu HĐTC	463	536	-13.6%	2,273	1,568	44.9%
Chi phí TC	181	75.2	141%	587	671	-12.6%
Chi phí lãi vay	108	62.1	74.6%	340	337	0.9%
LN trong công ty LKLD	-0.22	-0.57	61.2%	26.7	31.8	-16.0%
Chi phí bán hàng	585	636	-8.0%	2,544	2,440	4.2%
Chi phí QLDN	218	427	-49.0%	1,475	1,075	37.2%
LN thuần từ HĐKD	3,169	4,240	-25.2%	14,619	18,728	-21.9%
Lợi nhuận khác	1.15	27.0	-95.7%	20.4	78.4	-74.0%
LN trước thuế	3,171	4,267	-25.7%	14,640	18,806	-22.2%
Lợi nhuận sau thuế	2,544	3,417	-25.6%	11,793	15,066	-21.7%
LNST của CĐ cty mẹ	2,512	3,350	-25.0%	11,606	14,798	-21.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,494	2,824	3,707	3,522	3,173	1,637
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,713	-668	-3,869	18.2	-6,128	-1,034
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2,856	9.73	-56.5	-5,188	-2,231	-202
Tiền đầu kỳ	10,206	10,550	12,714	12,499	10,852	5,669
Lưu chuyển tiền thuần	351	2,166	-219	-1,648	-5,186	401
Ảnh hưởng tỷ giá	-7.81	-2.09	5.10	-0.09	3.59	5.24
Tiền cuối kỳ	10,549	12,714	12,499	10,852	5,669	6,075

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	91,776	87,754	4.6%
Tài sản ngắn hạn	66,459	62,218	6.8%
Tiền và tương đương tiền	6,075	5,669	7.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36,538	35,085	4.1%
Phải thu ngắn hạn	20,907	16,865	24.0%
Hàng tồn kho	2,539	3,945	-35.6%
Tài sản ngắn hạn khác	400	654	-38.9%
Tài sản dài hạn	25,317	25,537	-0.9%
Phải thu dài hạn	348	318	9.3%
Tài sản cố định	19,160	19,532	-1.9%
Bất động sản đầu tư	31.4	31.7	-1.1%
Tài sản dở dang	1,829	1,781	2.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	401	398	0.6%
Tài sản dài hạn khác	3,548	3,476	2.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	23,876	22,456	6.3%
Nợ ngắn hạn	16,434	14,972	9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,498	1,605	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6,768	7,138	-5.2%
Nợ dài hạn	7,441	7,484	-0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,233	4,271	-0.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	67,900	65,299	4.0%
Vốn chủ sở hữu	67,900	65,299	4.0%
Vốn điều lệ	22,967	22,967	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

